TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2026.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Ông Nguyễn Văn Dễ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Quê – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 134/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ý N, sinh ngày 01/01/1973. Căn cước công dân số 080173004xxx. Địa chỉ: Số A ấp V, xã A, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 17/11/1972. Căn cước công dân số 080072017xxx. Địa chỉ: Số A ấp V, xã A, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ý N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện có nội dung như sau: Do quen biết, bà và ông Nguyễn Ngọc C sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, đến khoảng năm 2021 vợ chồng không còn sống chung. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C.

Nuôi con chung: Bà và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Ẩ, sinh ngày 06/3/1993 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 11/02/2005. Hiện con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà N không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Ý N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C; hiện ông C đang sinh sống tại xã A, tỉnh Tây Ninh nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà N và ông C có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2002, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông C không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận.

[4] Nuôi con chung: Bà N và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Ẩ, sinh ngày 06/3/1993 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 11/02/2005. Hiện con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh. Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chia tài sản chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ý N về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn Ngọc C.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ý N được ly hôn ông Nguyễn Ngọc C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ý N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008387 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Tây Ninh.
-VKSND khu vực 5- Tây Ninh.
-THA DS tỉnh Tây Ninh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Các đương sự.
-UBND xã An Lục Long, tỉnh Tây Ninh
- Lưu hồ sơ, AV.

Nguyễn Thị Kim Thoa